

TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/03/2024

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Hà.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan- Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Bà Nguyễn Thuý Duyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1904/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 08 năm 2023 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXX-ST ngày 20/02/2024; Quyết định hoãn phiên Tòa số 82/2024/QĐST-DS ngày 11/03/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị L**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: B, khu dân cư A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Ông **Lê Thanh T**, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: D, khu phố C, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

(Bà **L** có đơn xin vắng mặt, ông **T** vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà **Vũ Thị L** trình bày: Bà và ông **Lê Thanh T** kết hôn với nhau vào năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm bất đồng. Xét tình cảm không còn nên bà xin ly hôn

Về con chung: không có

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không có.

Hòa

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Vũ Thị L.**

Về con chung: không có.

Về tài sản chung+ nợ chung: không đặt ra giải quyết

Về án phí: bà **L** phải nộp theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng : Bà **Vũ Thị L** có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông **Lê Thanh T** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà **L**, ông **T** là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền xét xử: ông **Lê Thanh T** cư trú tại địa chỉ **D, khu phố C, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**. Căn cứ điều 28, 35, 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2016 Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Vũ Thị L** và ông **Lê Thanh T** tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2017, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại **ủy ban nhân dân UBND phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** nên xác định quan hệ hôn nhân của bà **L** và ông **T** là hợp pháp. Nay bà **L** xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của bà L: Bà **L** xin ly hôn với ông **T** với lý do tính tình không hợp, quan điểm bất đồng. Xét tình cảm không còn nên bà xin ly hôn. Về phía ông **T** vắng mặt trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ kiện dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Xét thấy hôn nhân được tạo lập trên cơ sở vợ chồng phải thương yêu quý trọng lẫn nhau, hiện tại bà **L** và ông **T** không còn sống chung với nhau. Quá trình làm việc, Toà án đã triệu tập ông **T** rất nhiều lần nhưng ông **T** vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ ông **T** đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình nên cho dù có hàn gắn đoàn tụ ông bà cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **L**. Cho bà **L** được ly hôn với ông **T** là phù hợp

[5] Về con chung: không có

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **L** khai tài sản chung không yêu cầu giải quyết; Nợ chung không có. Do không có lời khai của ông **T** nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo ý kiến bà **L** và không đặt ra giải quyết phần tài sản chung và nợ chung.

[8] Quan điềm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 203, khoản 1 điều 238; 235, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2016;

- Áp dụng điều 51, 53, 54, 56, 57, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà **Vũ Thị L.** Bà **Vũ Thị L** được ly hôn với ông **Lê Thanh T.**

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **L** phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0008628 ngày 07/08/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Đồng Nai (2);
- VKSND thành phố Biên Hòa(2);
- THA Dân sự thành phố Biên Hòa(1);
- TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (1);
- Cơ quan cấp giấy kết hôn (1)
- Đương sự (2)
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Mộng Hà

